

DAY HỌC TÍCH HỢP NỘI DUNG GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG TRONG MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ LỚP 4 TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN QUỐC TOÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Lê Ngọc Hoà¹ và Huỳnh Thị Hồng Loan²

¹ Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

² Trường Tiểu học Võ Trường Toản, Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 24/03/2015

Ngày chấp nhận: 14/08/2015

Title:

Integrating environmental education into History-Geography of Grade 4 at Tran Quoc Toan primary school in Can Tho city

Từ khóa:

Giáo dục môi trường, dạy học tích hợp, 'địa chỉ' tích hợp giáo dục môi trường, phương pháp dạy học tích hợp, môn LS-ĐL lớp 4

Keywords:

Integrating teaching, environmental education, 'address' for integrating teaching in environmental education, teaching methods used in integrating teaching, History and Geography of Grade 4

ABSTRACT

Integrating environmental education into History-Geography of Grade 4 is one of important missions in primary education. In this paper, we presented: (1) conducting integrating instruction through defining the lessons whose contents can be involved environmental education; and synthesizing teaching methodologies used in integrating instruction (2) And carrying out empirical teaching through applying the lesson plans of environmental education in the subjects. The data collected in this research include: teachers' lesson plans, questionnaires about the Grade 4 students' environmental protection at Tran Quoc Toan primary school in Can Tho City.

TÓM TẮT

Dạy học tích hợp giáo dục môi trường (GDMT) vào các môn học nội dung chung và môn Lịch sử - Địa lí (LS-ĐL) nói riêng là một trong những nội dung quan trọng của chương trình giáo dục tiểu học. Trong bài báo này, chúng tôi trình bày: (1) Việc hướng dẫn tích hợp nội dung GDMT vào môn LS-ĐL lớp 4 thông qua việc xác định những bài học trong môn học này có thể tích hợp nội dung GDMT và tổng hợp các phương pháp dạy học được sử dụng để tiến hành việc tích hợp; (2) Quá trình thực nghiệm dạy học tích hợp nội dung GDMT trong môn LS-ĐL lớp 4 tại Trường tiểu học Trần Quốc Toản, thành phố Cần Thơ. Những dữ liệu bài nghiên cứu này thu thập là các giáo án dạy học tích hợp GDMT vào môn LS-ĐL lớp 4, phiếu điều tra nhận thức và hành động của học sinh về việc bảo vệ môi trường.

1 GIỚI THIỆU

Môi trường có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của nhân loại. Tuy nhiên, song song với sự phát triển kinh tế xã hội, chất lượng môi trường đang bị xuống cấp trầm trọng. Có nhiều nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ con người. Nhiều giải pháp nhằm cải thiện và bảo vệ môi trường sống hiện nay đã được nghiên cứu và

vận dụng. Trong đó, vấn đề giáo dục ý thức, quan điểm và trách nhiệm của con người về môi trường được xem là biện pháp hiệu quả và có tính bền vững cao bởi vì việc giáo dục bảo vệ môi trường không chỉ cung cấp những kiến thức về môi trường, thực trạng môi trường hiện nay mà còn cung cấp những giải pháp thiết thực để bảo vệ môi trường. Quan trọng hơn, giáo dục môi trường còn nhằm hình thành nên ý thức và trách nhiệm của

người công dân đối với môi trường sống xung quanh mình.

Nội dung giáo dục bảo vệ môi trường được lồng ghép trong các môn học và hoạt động ngoại khóa ở tất cả các cấp học. Bậc Giáo dục Tiểu học có vai trò nền tảng trong hệ thống giáo dục phổ thông vì nó góp phần hình thành những nét nhân cách ban đầu cho học sinh. Vì thế, giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học được xem là điều kiện tiên quyết cho hiệu quả của quá trình đưa giáo dục môi trường vào trường học. Cùng với nhiều môn học khác ở cấp Tiểu học, môn Lịch sử - Địa lí (LS-ĐL) ở lớp 4 có những kiến thức cơ bản gắn liền với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội xung quanh học sinh. Do đó, môn học này sẽ là một ‘môi trường’ thuận lợi để giáo dục học sinh các kiến thức về môi trường, kỹ năng ứng xử với môi trường và thái độ sống có trách nhiệm với môi trường. Việc dạy học tích hợp như thế, một mặt, giúp nội dung giáo dục môi trường (GDMT) được chuyển tải đến học sinh (HS) một cách tự nhiên, nhẹ nhàng; mặt khác, góp phần đổi mới phương pháp dạy học, làm cho việc học LS-ĐL của học sinh lớp 4 trở nên sinh động và hứng thú.

2 NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1 Lược khảo tài liệu

Trên thế giới, nhiều hội nghị đã được tổ chức vì mục tiêu bảo vệ môi trường. Nội dung chủ yếu của các hội nghị là vạch ra chương trình, chiến lược và các giải pháp GDMT. Các hội nghị quốc tế điển hình như Hội nghị Liên hợp quốc về “Môi trường con người” (năm 1972 tại - Thụy Sĩ), Hội thảo quốc tế về GDMT (năm 1975 - Nam Tư), Hội nghị thượng đỉnh thế giới (năm 1992 - Rio)... Các hội nghị đã thống nhất về những mục tiêu và nguyên tắc hướng dẫn GDMT: “Đưa khái niệm môi trường và phát triển, kể cả khái niệm dân số vào tất cả các chương trình giáo dục. Lôi cuốn trẻ em vào các công trình nghiên cứu về sức khỏe và môi trường” (Chương trình nghị sự 21 toàn cầu). Nghiên cứu ở nhiều nước cho thấy: gia đình, cộng đồng và nhà trường là ba phạm vi cơ bản của GDMT. Nhiều quốc gia, GDMT được đưa vào giảng dạy như môn học chính khóa cũng như môn học tự chọn. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy vai trò của cô giáo, thầy giáo là hết sức quan trọng trong việc giáo dục bảo vệ môi trường ở tất cả các bậc học.

Ở Việt Nam, giáo dục môi trường là một nhiệm vụ quan trọng được thể hiện qua nhiều văn bản cụ thể như: Điều 4 - Luật Bảo vệ môi trường, chỉ thị 36 - CT/TW ngày 25/06/1998 của Ban

chấp hành Trung ương Đảng, Quyết định số 256/2003/QĐTTg ngày 12/12/2003 của Thủ tướng chính phủ. Trong những năm qua ở nước ta đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề tích hợp giáo dục môi trường vào các môn học ở bậc Tiểu học. Cụ thể:

– Tác giả Phạm Đình Thái (1991) trong bài viết “Vị trí và bước đầu định hướng nội dung, biện pháp giáo dục môi trường ở bậc tiểu học ở Việt Nam” và tác giả Nguyễn Thị Vân Hương (2000) trong bài “Một số biện pháp nâng cao ý thức giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học” nhấn mạnh mục tiêu và phương pháp giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học.

– Vấn đề tích hợp giáo dục môi trường vào các môn học có những bài nghiên cứu như: “Giáo dục môi trường qua môn Địa lý” của tác giả Nguyễn Phi Hạnh (1994); “Thực hiện giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học thông qua môn học Tìm hiểu tự nhiên và xã hội” của tác giả Nguyễn Hồng Ngọc (1993).

Chúng tôi tổng hợp một số kết quả từ những công trình nghiên cứu trên liên quan tới bài báo này như sau: Việc giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh là vô cùng cần thiết và ngày càng cấp bách trước sự xuống cấp của môi trường, mục tiêu và phương hướng đưa giáo dục môi trường vào nhà trường tiểu học cũng được thống nhất, các phương pháp tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường trong các môn học thuộc chương trình Giáo dục tiểu học đã được giới thiệu khá đa dạng. Tuy nhiên, việc dạy học tích hợp giáo dục môi trường trong môn LS-ĐL ở lớp 4 chưa được đề cập cụ thể và đầy đủ. Vì vậy, bài nghiên cứu này tập trung tìm hiểu cách thức tích hợp nội dung GDMT vào môn LS-ĐL lớp 4 nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy học cũng như hiệu quả giáo dục bảo vệ môi trường thông qua môn học này.

2.2 Câu hỏi nghiên cứu

Bài báo này nghiên cứu về việc dạy học tích hợp nội dung GDMT trong môn LS-ĐL lớp 4 nhằm trả lời những câu hỏi nghiên cứu sau:

Những bài học nào trong chương trình LS-ĐL lớp 4 có thể thực hiện tích hợp nội dung GDMT và việc tích hợp được thực hiện ở mức độ nào trong từng bài học? Việc tích hợp nội dung GDMT được thực hiện thông qua những phương pháp dạy học nào?

Sau thời gian thực nghiệm dạy học tích hợp nội dung GDMT trong môn LS-ĐL lớp 4 tại trường tiểu học Trần Quốc Toản, thành phố Cần Thơ, thái

độ và hành vi bảo vệ môi trường của học sinh thay đổi ra sao?

2.3 Mục đích nghiên cứu

Việc dạy học nội dung GDMT thông qua phương thức tích hợp có ưu thế là không làm cho thời lượng giảng dạy tăng lên gây nặng nề, quá tải cho học sinh nên nội dung GDMT chuyển tải đến HS nhẹ nhàng mà hiệu quả. Bài nghiên cứu này góp phần thống kê những địa chỉ trong môn LS-ĐL lớp 4 có thể tích hợp GDMT và những nội dung cũng như mức độ tích hợp tương ứng; tổng hợp và xây dựng các phương pháp dạy học tích hợp GDMT và tiến hành thực nghiệm sư phạm để đánh giá hiệu quả của các phương pháp này. Bài nghiên cứu góp phần khẳng định tính khả thi và hiệu quả của cách thức GDMT qua con đường tích hợp nội dung này vào các môn học trong chương trình tiểu học.

2.4 Các khái niệm cơ sở

Môi trường là tập hợp tất cả các điều kiện bên ngoài có ảnh hưởng tới mọi vật thể, mọi sự kiện hay mọi cơ thể sống. Môi trường được chia thành môi trường tự nhiên, môi trường nhân tạo và môi trường xã hội (Bùi Thị Nga, 2010). Theo tác giả Lê Huy Bá (2002) thì môi trường là các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo, lý học, hóa học, sinh học cùng tồn tại trong không gian bao quanh con người. Các yếu tố đó có quan hệ mật thiết, tương tác lẫn nhau và tác động lên các cá thể sinh vật hay con người để cùng tồn tại và phát triển.

Giáo dục bảo vệ môi trường là một quá trình thông qua các hoạt động giáo dục nhằm giúp con người có được sự hiểu biết, các kỹ năng và giá trị tạo điều kiện cho họ tham gia vào phát triển một xã hội bền vững về sinh thái (Bùi Thị Nga, 2010).

Tích hợp trong dạy học là lồng ghép một nội dung giáo dục nào đó vào bài dạy, tùy theo mức độ phù hợp của nội dung giáo dục với từng môn học/bài học mà việc lồng ghép được thực hiện ở các mức độ khác nhau như: liên hệ, lồng ghép bộ phận hay toàn phần, từ đó giáo dục và rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh (Nguyễn Hữu Đức, 2003).

Tích hợp giáo dục môi trường là sự kết hợp chặt chẽ có hệ thống các kiến thức giáo dục môi trường và kiến thức các môn học thành một nội dung thống nhất, gắn bó chặt chẽ bằng những phương thức tích hợp như: lồng ghép toàn phần

(mục tiêu và nội dung của bài học phù hợp với mục tiêu và nội dung giáo dục môi trường); lồng ghép bộ phận (có một số phần của bài học có mục tiêu, nội dung phù hợp với nội dung, mục tiêu giáo dục môi trường); liên hệ (mục tiêu và nội dung bài học có điều kiện lô gic với nội dung giáo dục bảo vệ môi trường). Cùng với những phương pháp dạy học tích hợp lồng ghép như: phương pháp quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi học tập, đề án, kể chuyện... (Nguyễn Hữu Đức, 2003).

2.5 Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu lí luận: Tổng hợp các nội dung lí thuyết về dạy học tích hợp nói chung và tích hợp nội dung GDMT vào các môn học nói riêng; khai thác các phương pháp dạy học ở tiểu học để có thể tiến hành việc tích hợp nội dung GDMT thông qua các phương pháp này; bên cạnh, mục tiêu và nội dung dạy học LS-ĐL lớp 4 cũng được tìm hiểu, tổng hợp.

Phương pháp thực nghiệm sư phạm: Xây dựng giáo án vận dụng tổng hợp các phương pháp dạy học tích hợp GDMT vào chương trình LS-ĐL lớp 4. Ba giáo án sau được sử dụng dạy thực nghiệm trên đối tượng là 42 học sinh lớp 4A1 Trường tiểu học Trần Quốc Toản, thành phố Cần Thơ.

Phản Lịch sử: Bài 28. Kinh thành Huế - trang 67;

Phản Địa lí: Bài 29. Biển, đảo và quần đảo - trang 149; Bài 30. Khai thác khoáng sản và hải sản ở vùng biển Việt Nam - trang 152.

Phương pháp dùng bảng hỏi: Nhằm đánh giá tính khả thi cũng như hiệu quả của các phương pháp dạy học tích hợp nội dung GDMT vào môn LS-ĐL lớp 4 mà bài nghiên cứu này kiến nghị.

Bảng hỏi được 42 cá thể học sinh lớp 4A1 thực hiện nhằm phân ánh khả năng của các em trong việc (1) nhận diện các thành phần của môi trường, (2) hiểu biết về các tác nhân gây ô nhiễm môi trường và (3) nhận thức về những việc làm của bản thân để bảo vệ môi trường.

HS đã trả lời bảng hỏi tại hai thời điểm: trước và sau khi việc dạy học thực nghiệm được tiến hành nhằm đánh giá hiệu quả tác động của quá trình thực nghiệm.

Các bài học, nội dung, mức độ tích hợp giáo dục môi trường vào môn Lịch sử- Địa lý lớp 4.

Bảng 1: Phần Lịch sử

| Tên bài | Nội dung tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường | Mức độ tích hợp |
|--|---|------------------------|
| Bài 5: Chiến thắng Bạch Đằng do Ngô Quyền lãnh đạo | - Giúp HS biết được trận đánh lịch sử do Ngô Quyền lãnh đạo diễn ra như thế nào, qua đó thấy được vai trò của sông Bạch Đằng trong trận đánh. - Giáo dục tình yêu thiên nhiên và bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên của đất nước Việt Nam. | Liên hệ |
| Bài 7: Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân | - Ninh Bình ngày nay vẫn còn lăng mộ và đền thờ vua Đinh. - Tự hào về miền đất sinh ra vị anh hùng của dân tộc, có ý thức trân trọng giữ gìn và bảo vệ di tích lịch sử. | Liên hệ |
| Bài 9: Nhà Lý dời đô ra Thăng Long | Có ý thức giữ gìn bảo tồn di sản của cha ông để lại. | Liên hệ |
| Bài 10: Chùa thời Lý | - Vẻ đẹp của các công trình kiến trúc Phật giáo, giáo dục ý thức trân trọng di sản của cha ông. - Có thái độ, hành vi giữ gìn cảnh quan môi trường sạch sẽ. | Liên hệ |
| Bài 12: Nhà Trần thành lập | - BVMT là góp phần củng cố, xây dựng đất nước. | Liên hệ |
| Bài 13: Nhà Trần và việc đắp đê | - Ảnh hưởng to lớn của sông ngòi đối với đời sống con người (đem lại phù sa màu mỡ nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ lũ lụt đe dọa sản xuất và đời sống). - Học sinh thấy được tầm quan trọng của hệ thống đê điều và có ý thức, trách nhiệm trong việc góp phần bảo vệ đê điều – những công trình nhân tạo phục vụ đời sống con người. | Bộ phận |
| Bài 14: Chiến thắng Chi Lăng | - Biết được trận đánh Chi Lăng hào hùng diễn ra như thế nào. - Vai trò của môi trường tự nhiên trong việc góp phần tạo nên chiến thắng vẻ vang ấy. Qua đó, học sinh thêm yêu quý và bảo vệ môi trường quê hương. | Liên hệ |
| Bài 23: Thành thị ở TK XVI – XVII | - Trong lịch sử nước ta, ba thành thị lớn nổi tiếng nhất là: Thăng Long, Phố Hiến, Hội An. - Học sinh tự hào về quê hương của mình và biết xây dựng đi đôi với việc bảo vệ môi trường trong lành của quê hương. | Liên hệ |
| Bài 28: Kinh thành Huế | - Học sinh biết về quá trình xây dựng cũng như vẻ đẹp của kinh thành Huế, một di sản Văn hóa của Việt Nam. - Các em thấy rõ vai trò của mình trong việc xây dựng và bảo vệ đất nước cũng như giữ gìn các tài nguyên của đất nước. | Liên hệ |

Bảng 2: Phần Địa lý

| Tên bài | Nội dung tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường | Mức độ tích hợp |
|--|---|------------------------|
| Bài 1: Dãy Hoàng Liên Sơn | - Biết được đặc điểm của dãy núi Hoàng Liên Sơn như là một bộ phận cấu thành môi trường nước ta. - Học sinh biết tự hào và giữ gìn môi trường tự nhiên. | Liên hệ |
| Bài 3: Hoạt động sản xuất của người dân ở Hoàng Liên Sơn | - Biết được các nghề chính của người dân ở Hoàng Liên Sơn, đặc biệt khai thác khoáng sản. - Giáo dục cho học sinh ý thức tôn trọng các nguồn tài nguyên khoáng sản và sử dụng các nguồn này một cách hợp lý. | Bộ phận |
| Bài 4: Trung du Bắc Bộ | - Biết được vai trò của hoạt động trồng rừng và cây công nghiệp ở vùng Trung du Bắc Bộ. - Có ý thức BVMT rừng và tham gia trồng cây BVMT. | Bộ phận |
| Bài 8: Hoạt động sản xuất của người dân ở Tây Nguyên | - Biết được các hoạt động sản xuất của con người tác động trực tiếp đến môi trường. Từ đó, học sinh thấy được vai trò của môi trường tự nhiên đối với con người. | Bộ phận |

| Tên bài | Nội dung tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường | Mức độ tích hợp |
|--|--|-----------------|
| | - Biết được nguyên nhân và hậu quả của việc mất rừng ở Tây Nguyên. - Học sinh biết những việc làm để bảo vệ rừng nói riêng và môi trường tự nhiên nói chung. | |
| Bài 15: Thủ đô Hà Nội | - Học sinh biết được Hà Nội là thành phố cổ 1000 năm tuổi cũng là trung tâm văn hóa chính trị của đất nước ta. - Các em có ý thức tìm hiểu và giữ gìn nét đẹp nghìn năm văn hiến của thủ đô. | Liên hệ |
| Bài 19: Hoạt động sản xuất của người dân ở đồng bằng Nam Bộ | - Biết được vai trò của môi trường tự nhiên đối với cuộc sống người dân. - Biết yêu quý và bảo vệ môi trường tự nhiên. | Liên hệ |
| Bài 27: Thành phố Huế | - Giúp HS biết vì sao Huế được gọi là cố đô và đã được công nhận là Di sản Văn hóa thế giới năm 1993. - Có ý thức BVMT và các địa điểm du lịch ở đây. | Liên hệ |
| Bài 29: Biển, đảo, quần đảo | - Biết được biển đảo là một bộ phận cấu thành đất nước ta cũng là một phần của môi trường sống xung quanh ta. - Có ý thức tham gia bảo vệ, giữ gìn môi trường biển đảo. | Bộ phận |
| Bài 30: Khai thác khoáng sản và hải sản ở vùng biển Việt Nam | - Biết được tài nguyên khoáng sản là một phần của môi trường sống của con người và sinh vật. - Biết được những nguyên nhân làm cạn kiệt nguồn tài nguyên hải sản và ô nhiễm môi trường nước (biển). - Có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường biển. | Toàn phần |

2.6 Các phương pháp dạy học tích hợp nội dung GDMT

Phương pháp quan sát là phương pháp tổ chức cho học sinh sử dụng các giác quan để tri giác có mục đích các đối tượng trong tự nhiên và xã hội, giúp học sinh nhận định thế giới tự nhiên một cách chính xác, thấy được mối quan hệ giữa con người trong tự nhiên, thực trạng môi trường hiện nay và nhận biết những hành vi của con người ảnh hưởng tới môi trường. Phương pháp này thực hiện gồm các bước sau: *Lựa chọn đối tượng, xác định mục đích quan sát, tổ chức và hướng dẫn học sinh quan sát, tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả quan sát, hoàn thiện kết quả quan sát và rút ra kết luận chung.*

Chúng tôi sử dụng phương pháp này để tích hợp dạy Bài 28: Kinh thành Huế (Lịch sử 4/ trang 67). Qua đó, học sinh được tổ chức để quan sát hình ảnh và phim ảnh về các công trình kiến trúc độc đáo của kinh thành Huế. Học sinh thấy được vẻ đẹp của những công trình kiến trúc cổ tiêu biểu của triều đại nhà Nguyễn còn lưu lại tại Huế. Các em còn cảm nhận được sự tài hoa của con người trong việc xây dựng các công trình kiến trúc cổ này.

Khi sử dụng phương pháp quan sát, việc chọn lựa đối tượng quan sát cần được cân nhắc trước tiên. Đối tượng quan sát phải đáp ứng yêu

cầu về tính chuẩn mực, thẩm mỹ và chân thực. Ngoài ra, tổ chức cho học sinh quan sát là yếu tố tiếp theo giáo viên cần lưu ý, phải tính đến tính hiệu quả, an toàn nhất là khi quan sát các đối tượng ngoài thiên nhiên.

Phương pháp dạy học theo dự án là phương pháp học tập trong đó học sinh vạch ra kế hoạch để thực hiện việc thu thập thông tin, phân tích và đưa ra các kết luận. Phương pháp này giúp học sinh tự tìm tòi và khám phá những vấn đề của môi trường hiện nay, có ý thức hơn về hoạt động của mình trong việc bảo vệ môi trường và đưa ra các kiến nghị cũng như giải pháp góp phần bảo vệ và phát triển môi trường xung quanh theo hướng ngày càng tốt đẹp hơn. Quy trình thực hiện gồm có: *Xác định chủ đề và mục đích của dự án, xây dựng kế hoạch, thu thập thông tin, thực hiện dự án, trình bày sản phẩm và đánh giá dự án.*

Phương pháp này đã được vận dụng để dạy Bài 22 “Thành phố Cần Thơ” (Địa lí 4/trang 131). Giáo viên tổ chức cho học sinh xác định chủ đề của nhóm mình liên quan tới bài học như: vấn đề rác thải tại công viên, trường học, đường phố, chợ hay vấn đề ô nhiễm nguồn nước tại các con sông của thành phố Cần Thơ. Giáo viên lên kế hoạch cho học sinh thực hiện dự án vào kì nghỉ giữa học kì hay cuối tuần, hướng dẫn học sinh cách thức làm việc trong nhóm dự án. Theo đó, học sinh tự quản

lí và phân công nhiệm vụ giữa các thành viên, tìm tòi thu thập thông tin về chủ đề, tổ chức báo cáo về chủ đề của nhóm mình. Qua quá trình thực hiện dự án, học sinh có kiến thức về thực trạng môi trường tại địa phương nơi các em sinh sống, bước đầu các em có kế hoạch và hành động để cải thiện, bảo vệ môi trường, song song đó, những kĩ năng xã hội như kĩ năng điều tra, kĩ năng làm việc nhóm, phân công lao động, báo cáo... cũng được hình thành nơi các em.

Để vận dụng phương pháp dạy học theo dự án hiệu quả, giáo viên cần lên kế hoạch rõ ràng, hợp lí, quan trọng là dành thời gian cho học sinh tập dượt các kĩ năng khi làm dự án. Bên cạnh, giáo viên luôn đóng vai trò tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ khi học sinh cần.

Phương pháp trò chơi học tập là tổ chức trò chơi có nội dung gắn liền với hoạt động học tập của học sinh, giúp học sinh biết được các hoạt động của con người ảnh hưởng như thế nào đến môi trường. Phương pháp này gồm các bước sau: *Giới thiệu mục đích của trò chơi; hướng dẫn học sinh về cách chơi, luật chơi, dụng cụ chơi...; thực hiện trò chơi; nhận xét sau khi chơi và giúp học sinh rút ra kết luận về nội dung học tập thông qua trò chơi.*

Bài 30: “Khai thác khoáng sản và hải sản ở vùng biển Việt Nam” (Địa lí 4/trang 152) vận dụng phương pháp này trong giảng dạy. Giáo viên giới thiệu trò chơi “Ô chữ thần kì”, hướng dẫn học sinh luật chơi và thực hiện trò chơi. Học sinh chọn một hàng ngang bao gồm các ô trống tương ứng với số chữ cái mà câu trả lời có. Các em trả lời đúng được cộng một điểm, sai không tính điểm. Qua trò chơi, học sinh nhận xét và rút ra kết luận là vùng biển nước ta có nhiều loại hải sản quý có giá trị, biết được nguyên nhân làm cạn kiệt nguồn hải sản và một số biện pháp khắc phục.

Khi vận dụng phương pháp trò chơi học tập, giáo viên cần nhất quán trong khâu tổ chức, về luật chơi, cách chơi và thưởng phạt để học sinh chơi hiệu quả, trật tự mà không kém phần hứng thú.

Phương pháp thảo luận nhóm là phương pháp tổ chức cho học sinh hợp tác với nhau để cùng rút

ra kết luận về nội dung kiến thức nào đó trong bài học. Việc sử dụng phương pháp này giúp học sinh bày tỏ quan điểm của mình về các vấn đề môi trường, các phương pháp bảo vệ môi trường, phân biệt được các hành động ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến môi trường. Quy trình thực hiện gồm các bước sau: *Chuẩn bị nội dung thảo luận, tiến hành thảo luận, tổng kết và đánh giá kết quả thảo luận và rút ra kết luận về nội dung bài học.*

Bài 8: “Hoạt động sản xuất của người dân ở Tây Nguyên” (Địa lí 4/trang 90) chúng tôi sử dụng phương pháp thảo luận để cho học sinh biết được mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, hình thành ý thức bảo vệ tài nguyên nước và rừng. Giáo viên xác định chủ đề thảo luận: “Mô tả rừng rậm nhiệt đới và rừng khộp ở Tây Nguyên. Tại sao phải bảo vệ và trồng lại rừng?” Học sinh thảo luận theo nhóm cùng quan sát tranh và trả lời các câu hỏi trên. Từng nhóm học sinh báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét. Giáo viên nhận xét và rút ra kết luận: Rừng có vai trò to lớn trong việc cân bằng sinh thái, rừng còn có nhiều gỗ và các lâm sản quý khác nên cần được bảo vệ và khai thác hợp lí.

Phương pháp thảo luận nhóm đạt hiệu quả cao khi các thành viên trong nhóm tham gia tích cực vào vấn đề thảo luận. Vì thế, giáo viên cần cần nhắc khi đưa ra vấn đề thảo luận sao cho tạo được hứng thú nơi các em cũng như vừa sức với sự nỗ lực của nhóm. Song song đó, giáo viên cũng cần bao quát tiến độ và kết quả thảo luận của từng nhóm để có sự hỗ trợ kịp thời.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Kết quả

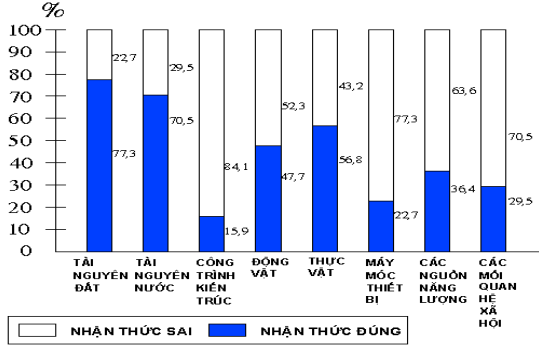
Chúng tôi thực hiện quá trình điều tra đối với 42 học sinh lớp 4A1 của trường Tiểu học Trần Quốc Toàn, thành phố Cần Thơ, năm học 2014-2015. Các cứ liệu được thu thập trước và sau quá trình dạy học thực nghiệm, bao gồm các nội dung sau:

(1) Về khả năng nhận diện các thành phần của môi trường của học sinh

Yếu cầu: Em hãy đánh dấu X tương ứng với các thành phần của môi trường

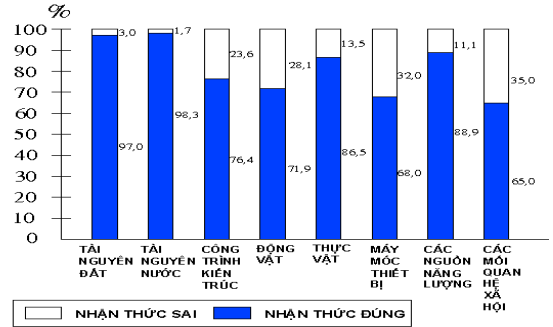
| Thành phần của môi trường | X | Thành phần của môi trường | X |
|----------------------------------|----------|----------------------------------|----------|
| Tài nguyên đất | | Thực vật | |
| Tài nguyên nước | | Máy móc thiết bị | |
| Các công trình kiến trúc | | Các nguồn năng lượng | |
| Động vật | | Các mối quan hệ xã hội | |

Một trong những nội dung quan trọng của GDMT cho học sinh là giúp các em nhận diện các thành phần của môi trường, bao gồm: đất, nước, động vật, thực vật, nguồn năng lượng. Hiểu biết về các thành phần của môi trường và vai trò của chúng đối với đời sống con người sẽ giúp học sinh



có ý thức trân trọng, sử dụng hợp lí và biết bảo vệ các thành phần của môi trường.

Kết quả khảo sát nhận thức của học sinh về các thành phần của môi trường theo mục tiêu GDMT ở trường tiểu học như sau:



Hình 1: Biểu đồ thể hiện khả năng nhận diện của học sinh về các thành phần môi trường trước và sau dạy học thực nghiệm

Kết quả điều tra trước thực nghiệm cho thấy mặc dù đất, nước, động vật, thực vật và các nguồn năng lượng là những thành phần dễ nhận thấy của môi trường nhưng có nhiều học sinh vẫn nhận diện sai (22,7% đối với đất, 29,5% đối với nước và đến 52,3% đối với động vật).

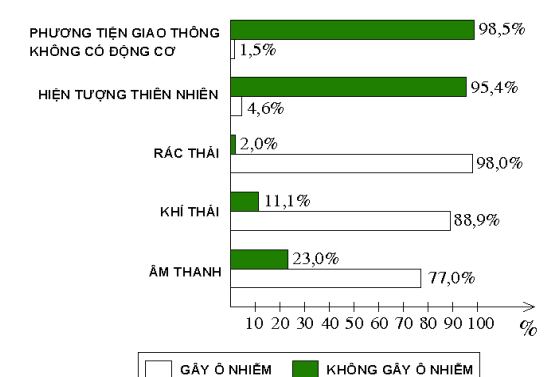
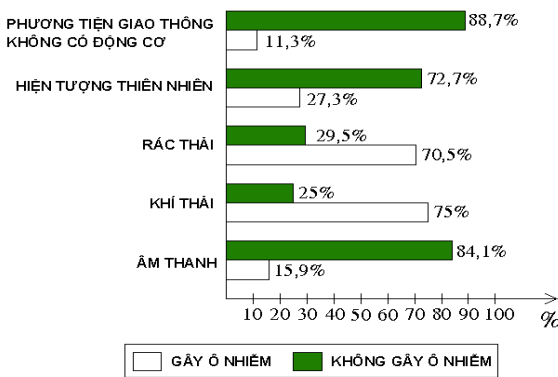
Sau thực nghiệm, kết quả điều tra đã có những thay đổi đáng kể. Tỷ lệ học sinh nhận diện đúng các thành phần của môi trường đã tăng lên. Hiểu biết đúng về các thành phần của môi trường là cơ sở để học sinh học tập bảo vệ môi trường. Qua đó, những phương pháp dạy học tích hợp nội dung GDMT mà bài nghiên cứu này đề ra bước đầu đã giúp học sinh hiểu đúng hơn về các thành phần của môi trường và sự tương tác của chúng với con người.

(2) Hiểu biết của học sinh về các tác nhân gây ô nhiễm môi trường

Yêu cầu: Em hãy đánh dấu X tương ứng với các tác nhân gây ô nhiễm môi trường

| Tác nhân | X |
|--------------------------------------|---|
| Phương tiện giao thông không động cơ | X |
| Hiện tượng thiên nhiên | |
| Rác thải | |
| Khí thải | |
| Âm thanh | |

Cùng sự thay đổi hiểu biết của học sinh về các thành phần của môi trường thì mức độ nhận thức của các em về tác nhân gây ô nhiễm cũng thay đổi. Quá trình này được thể hiện qua hai biểu đồ sau:



Hình 2: Biểu đồ thể hiện nhận thức của học sinh về các tác nhân gây ô nhiễm môi trường trước và sau dạy học thực nghiệm

Chúng tôi nhận thấy tỷ lệ nhận thức của học sinh về các yếu tố trên có nhiều thay đổi tích cực như: phương tiện không có động cơ không gây ô nhiễm tăng 9,8% (từ 88,7% tăng lên 98,5%), hiện tượng thiên nhiên (nắng, mưa) tăng từ 72,7% lên 95,4% (tăng 22,7%). Đa số học sinh đã hiểu rõ hai yếu tố trên không gây ô nhiễm. Các em biết được

việc đi lại bằng xe đạp hay các phương tiện không động cơ khác là góp phần giữ cho môi trường trong sạch. Nhận định đúng về yếu tố rác thải tăng từ 70,5% lên 98,0% (tăng 27,5%), khí thải và tiếng ồn cũng là những tác nhân gây ô nhiễm.

(3) Nhận thức của học sinh về những việc làm của bản thân để bảo vệ môi trường

Bảng 3: Thống kê mức độ thực hiện những việc làm bảo vệ môi trường của học sinh trước dạy học thực nghiệm

| Hành vi | Thường xuyên | Đôi khi | Chưa bao giờ |
|--|--------------|---------|--------------|
| Bỏ rác đúng nơi quy định | 70,5% | 29,5% | 0,0% |
| Tiết kiệm điện, nước | 59,0% | 25,1% | 15,9% |
| Giữ vệ sinh lớp học, nơi ở | 52,3% | 29,5% | 18,2% |
| Góp phần bảo quản các công trình công cộng | 47,7% | 45,5% | 6,8% |
| Khuyến bạn bỏ rác đúng quy định | 50,0% | 20,5% | 29,5% |

Bảng 4: Thống kê mức độ thực hiện những việc làm bảo vệ môi trường của học sinh sau dạy học thực nghiệm

| Hành vi | Thường xuyên | Đôi khi | Chưa bao giờ |
|--|--------------|---------|--------------|
| Bỏ rác đúng nơi quy định | 90,5% | 9,5% | 0,0% |
| Tiết kiệm điện nước | 89,0% | 7,9% | 3,1% |
| Giữ vệ sinh lớp học, nơi ở | 76,3% | 19,5% | 4,2% |
| Góp phần bảo quản các công trình công cộng | 87,7% | 8,5% | 3,8% |
| Khuyến bạn bỏ rác đúng quy định | 90,0% | 9,5% | 0,5% |

Kết quả khảo sát học sinh về các hoạt động mà bản thân các em đã thực hiện để bảo vệ môi trường cho thấy: Trước thực nghiệm, việc bỏ rác đúng nơi quy định với mức độ “Thường xuyên” còn khá thấp (70,5%) nhưng sau thực nghiệm đã tăng (90,5%) trong khi đó mức độ “Đôi khi” từ 29,5% còn 9,5%. “Góp phần bảo quản các công trình công cộng” ở mức độ “Thường xuyên” (47,7%) còn thấp, các mức độ “Đôi khi” (45,5%) và “Chưa bao giờ” (6,8%) còn khá cao. Sau thực nghiệm, đã có chuyển biến tích cực, mức độ “Thường xuyên” tăng thêm 40,0% do học sinh đã nhận biết được ‘Góp phần bảo quản các công trình công cộng’ cũng là một hoạt động bảo vệ môi trường. “Khuyến bạn bỏ rác đúng nơi quy định” với mức độ “Thường xuyên” (50%) chỉ ở mức trung bình, mức độ “Đôi khi” là 20,5% và “Chưa bao giờ” còn khá cao (29,5%); sau thực nghiệm, hành động này của học sinh có tăng ở mức độ “Thường xuyên” và giảm ở hai mức độ còn lại.

Kết quả chủ yếu quá trình dạy học thực nghiệm mang lại là học sinh biết được những hành vi nào nên thường xuyên thực hiện để bảo vệ môi trường. Theo đó, các em biết giữ vệ sinh trường lớp, nơi ở, biết tự dọn dẹp bàn học, nơi sinh hoạt của mình, giữ vệ sinh tốt khi tham quan, du lịch, khuyến bạn bỏ rác đúng nơi quy định, giữ gìn tài sản công cộng, phải biết tiết kiệm điện nước... Bên cạnh,

các em biết những hành vi gây hại tới môi trường như: giẫm lên cỏ, hái hoa ở công viên, chặt phá cây, xả rác bừa bãi, phá hoại các công trình công cộng, các khu di tích lịch sử...

Như vậy, với những phương pháp dạy học tích hợp nội dung giáo dục môi trường trong môn LS-ĐL lớp 4 đã có những tác dụng tích cực đối với sự nhận thức và hành động của học sinh về việc bảo vệ môi trường.

3.2 Đề xuất

Đối với giáo viên: Cần quan tâm đến việc giáo dục môi trường trong giảng dạy, xem đây là một nội dung quan trọng. Cụ thể, giáo viên lập bảng chọn lọc những nội dung có thể khai thác từ sách giáo khoa của các môn học để tích hợp GDMT cho học sinh. Theo đó, giáo viên xây dựng nội dung tích hợp, mức độ tích hợp (toàn phần, bộ phận, liên hệ), hình thức tích hợp, phương pháp được sử dụng trong giờ lên lớp phù hợp trình độ học sinh, tình hình thực tế của trường học và địa phương trên cơ sở thiết kế bài học có tính mềm dẻo, thích ứng với nhiều tình huống khác nhau.

Đối với nhà trường: Lập kế hoạch thường xuyên giám sát quá trình dạy học tích hợp GDMT của các lớp để đảm bảo tính thống nhất. Bên cạnh, nhà trường tạo điều kiện về thời gian, không gian cho giáo viên tham gia các khoá tập huấn về hướng

dẫn tích hợp để giáo viên không gặp khó khăn trong quá trình giảng dạy. Ngoài ra, việc phối hợp chặt chẽ với gia đình học sinh và các cấp chính quyền ở địa phương cũng cần thực hiện để kịp thời cập nhật thông tin về môi trường và kế hoạch kiểm tra việc tích hợp của đơn vị mình đạt hiệu quả ra sao.

Các cấp lãnh đạo, địa phương: Kịp thời cung cấp số liệu có liên quan khi cần thiết, tạo điều kiện cơ sở vật chất cho các trường thực hiện nội dung giảng dạy về bảo vệ môi trường; tổ chức các cuộc thi, khuyến khích động viên các trường có thành tích tốt trong việc tích hợp nội dung GDMT vào chương trình giảng dạy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định số 256/2003/QĐTTg ngày 12/12/2003 của Thủ tướng chính phủ ngày 2/12/2003 về việc phê duyệt Chiến lược BVMT Quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.
2. Lê Huy Bá (2000). Môi trường. NXB Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh.
3. Lê Huy Bá - Phạm Xuân Hậu - Nguyễn Đức Vũ - Đàm Nguyên Thùy Dương (2002). Giáo dục môi trường. NXB GD.
4. Bộ Chính trị (1998). Chỉ thị về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Số 36/1998/CT-TW.
5. Nguyễn Thị Kim Chương (1999). Giáo dục môi trường qua môn Địa lý. NXB GD.
6. Chương trình nghị sự 21 toàn cầu (Gồm 4 phần và 40 chương). Kí kết tại Hội nghị thượng đỉnh về Môi trường và Phát triển tại Rio de Janero, Braxin 1992.
7. Nguyễn Hữu Đức, Vũ Thu Hương, Nguyễn Thị Vân Hương, Nguyễn Thị Thân (2003). Giáo dục môi trường trong trường tiểu học. Trường ĐHSP Hà Nội.
8. Nguyễn Trường Giang (1996). Môi trường và luật quốc tế về môi trường. NXB Chính trị Quốc Gia.
9. Nguyễn Phi Hạnh - Nguyễn Thị Thu Hằng (1994). Giáo dục môi trường qua môn Địa lý. NXB GD.
10. Nguyễn Thị Vân Hương (2000). Một số biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học. NXB ĐHSP HN.
11. Lê Văn Khoa (1995). Môi trường và ô nhiễm. NXB GD.
12. Bùi Thị Nga (2010). Cơ sở khoa học môi trường. NXB ĐHTC.
13. Nguyễn Hồng Ngọc (1993). Thực hiện giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học thông qua môn Tin hiểu tự nhiên và xã hội. Trường ĐHSP HN.
14. Hoàng Đức Nhuận (1999). Một số phương pháp tiếp cận giáo dục môi trường. NXB GD.
15. Phạm Đình Thái (1991). Vị trí và nhiệm vụ các hoạt động giáo dục môi trường ở nước ta. Báo cáo tại HNKH về GDMT nhân ngày Môi trường thế giới do trường CĐSP Hà Nội tổ chức 4/6/1991.
16. Nguyễn Thị Thân (1992). Giáo dục bảo vệ môi trường trong trường tiểu học. Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, Số 5, trang 28.
17. Nguyễn Thị Thân (1994). Hình thành các khái niệm về giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh tiểu học. Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục (số 7), trang 15.